

Số: 120/2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ quy định thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 6282/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Tờ trình số 6707/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII tại:

a) Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố) thuộc tỉnh;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng áp dụng trong Nghị quyết này bao gồm:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã;
- Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);
- Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã;
- Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên, bác sĩ, dược sĩ, cử nhân xét nghiệm, cử nhân y tế công cộng, cử nhân công nghệ thông tin, kỹ sư công nghệ thông tin trở lên đang được bố trí công tác đúng chuyên ngành đào tạo hoặc thuộc đối tượng thu hút tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2010 quy định chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 quy định chế độ thu hút đối với viên chức ngành Y tế giai đoạn 2012 - 2020 và chế độ hỗ trợ đối với viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2017, Quyết định số 4690/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 - 2020.

- Các trường hợp đang trong thời gian biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật, chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các trường hợp bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện áp dụng

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

4. Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc như sau (sau đây gọi chung là thời gian được tính hỗ trợ thôi việc)

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian tính theo năm có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù, thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp

(khu phố) chưa được nhận trợ cấp thôi việc (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

b) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ấp (khu phố), thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã chưa nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã từng công tác. Đối với những người đang hưởng chế độ hưu trí chỉ tính thời gian tham gia công tác sau khi nghỉ hưu nhưng chưa được nhận trợ cấp thôi việc.

c) Trường hợp thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

5. Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại Nghị quyết này được tính hỗ trợ một lần với mức cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng dùng để trích đóng bảo hiểm xã hội và phụ cấp công vụ, phụ cấp trách nhiệm công tác Đảng (sau đây gọi tắt là tiền lương hiện hưởng) cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và mức trợ cấp thôi việc theo quy định của Trung ương tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên hoặc có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên: được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định.

Các trường hợp đủ điều kiện về tuổi, nhưng không đủ điều kiện về số năm đóng bảo hiểm xã hội hoặc số năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, số năm làm việc ở nơi có phụ cấp hệ số 0,7 trở lên:

+ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội dưới 10 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội và 03

tháng tiền lương hiện hưởng để ổn định cuộc sống nhưng tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và mức trợ cấp thôi việc theo quy định của Trung ương, tối đa không quá 90.000.000 đồng.

+ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 10 năm đến dưới 20 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với viên chức và người lao động được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm thôi việc.

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp thời gian làm việc còn lại đến khi nghỉ hưu ít hơn thời gian còn lại của nhiệm kỳ: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm làm việc còn lại trước khi nghỉ hưu.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính.

- Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

+ Công an viên xã:

* Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng;

+ Dân quân thường trực cấp xã:

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 01 một lần mức lương cơ sở;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 02 lần mức lương cơ sở;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.900.000 đồng cho mỗi năm công tác.

- Trường hợp có thời gian làm công an viên, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác.

d) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: Mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian làm nhiệm vụ cán bộ công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

6. Một số quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi hưởng hỗ trợ thôi việc tại Nghị quyết này

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp

lại ngân sách tỉnh (trừ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng vào làm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự xã và dân quân thường trực xã).

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã đã được hỗ trợ theo chính sách này có nguyện vọng làm việc tại các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

7. Kinh phí thực hiện

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố): nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

b) Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị;
- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị. Sau năm 2020, việc xác định nguồn kinh phí sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

c) Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư từ nguồn kinh phí hỗ trợ lấy từ:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;

- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật. Sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

8. Thời gian thực hiện

Việc hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động tổ chức, Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT (NV02) N Hiền (110).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với
cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định công tác tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Vì vậy trong thời gian qua, tỉnh đã tập trung quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở thống nhất và thực hiện có hiệu quả chủ trương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; triển khai, cụ thể hóa các văn bản, quy định của Trung ương thành các kế hoạch, văn bản thực hiện của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện kịp thời, đảm bảo yêu cầu và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Trên cơ sở Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 03-KH/TU ngày 09/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 và Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 về việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch và sự nghiệp

khác, theo dự kiến số lượng biên chế công chức, viên chức cắt giảm toàn tỉnh đến năm 2021 là 594 người. Riêng đối với các ngành, lĩnh vực được giao biên chế theo định mức như sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, sự nghiệp Y tế, sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội... tỉnh đang triển khai theo lộ trình thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo, phục vụ, chăm sóc y tế và an sinh xã hội.

Thực tế số lượng tinh giản biên chế hiện nay vẫn còn thấp so với yêu cầu giai đoạn 2015-2021 của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP/NĐ-CP (từ năm 2015 đến nay toàn tỉnh chỉ tinh giản được 167 trường hợp). Nguyên nhân chủ yếu do chế độ chính sách tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP vẫn còn thấp, chưa khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện thực hiện; một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không thích được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP vì sợ bị đánh giá là có năng lực hạn chế, yếu kém; ngoài ra nhiều công chức, viên chức có nguyện vọng tinh giản biên chế nhưng không đảm bảo yêu cầu về đối tượng, điều kiện tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Bên cạnh đó, việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện xin thôi việc theo quy định của Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức, viên chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức vẫn còn thấp nên số lượng công chức, viên chức thôi việc hằng năm rất ít, chủ yếu do hoàn cảnh gia đình hoặc chuyển sang khu vực tư nhân, dẫn đến việc giảm biên chế của tỉnh phụ thuộc vào đối tượng công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi.

Thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU ngày 24/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII của Đảng, trong đó việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập là nhiệm vụ trọng tâm; Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, theo đó thực hiện tổ chức lại, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp cùng với việc đẩy mạnh cơ chế giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự của các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, kết quả rà soát cho thấy dự kiến sẽ xuất hiện nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dôi dư trong quá trình tổ chức, sắp xếp lại bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, có nguyện vọng thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại nhưng chưa đúng yêu cầu về đối tượng, điều kiện tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (khoảng 5.462 người). Những người này có thể

được giải quyết chính sách thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ với điều kiện là họ phải tự nguyện xin thôi việc, các cơ quan Nhà nước không được quyền bắt buộc họ nghỉ việc. Tuy nhiên như trình bày ở phần trên, chế độ giải quyết thôi việc theo quy định vẫn còn thấp nên chưa khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tự nguyện xin thôi việc.

Để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, tạo cơ sở, điều kiện để thực hiện hiệu quả việc tổ chức, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh thì việc nghiên cứu, ban hành chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ, khuyến khích công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại là hoàn toàn phù hợp và cấp thiết. Đồng thời việc quy định chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ, khuyến khích giúp tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi tự nguyện thôi việc có thêm một khoản kinh phí để bảo đảm ổn định cuộc sống.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc cơ cấu lại tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc và trực thuộc thông qua việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tự nguyện thôi việc trong quá trình cơ quan, tổ chức, đơn vị sắp xếp lại tổ chức bộ máy hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự hoặc do cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII.

- Góp phần giảm biên chế, bảo đảm sự ổn định về tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại. Thông qua việc tổ chức triển khai đồng bộ, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng, cùng với chính sách hỗ trợ hợp lý nhằm động viên và tạo điều kiện cho những người hưởng chính sách sau khi nghỉ việc có thêm một khoản kinh phí để bảo đảm ổn định cuộc sống.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Nhằm thực hiện hiệu quả Thông báo số 1126/TB-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh mở rộng về triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII;

- Việc thực hiện chính sách phải được tiến hành đồng bộ với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đẩy

manh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trong các đơn vị sự nghiệp công và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Làm cơ sở cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, đảm bảo hợp lý về trình độ chuyên môn, ngạch công chức và hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Việc xây dựng chính sách phải bám sát các chủ trương của Đảng, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, định hướng của Chính phủ, học tập kinh nghiệm của các tỉnh bạn và phải phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đồng Nai.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU ngày 24/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII của Đảng, trong đó việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngày 01/02/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo số 1126/TB-UBND về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh mở rộng về phương án triển khai các Nghị quyết số 18/NQ-TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, theo đó giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Ngày 06/3/2018, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 691/SNV-CCVC đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng và được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 556/STP-XDKTVB ngày 07/3/2018.

- Ngày 09/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 2203/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Công văn số 158/HĐND-VP ngày 15/3/2018.

- Ngày 16/3/2018, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 834/SNV-CCVC ngày 16/3/2018 phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến người dân trên cổng thông tin điện tử tỉnh và Công văn số 863/SNV-CCVC ngày 20/3/2018 của Sở Nội vụ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương về dự thảo

Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

- Ngày 28/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ Trình số 2907/TTr-UBND, 2908/TTr-UBND, 2909/TTr-UBND lấy ý kiến các Bộ Tài Chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 49 cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết (24 cơ quan, đơn vị, địa phương thống nhất dự thảo Nghị quyết), trong đó tập trung vào đối tượng áp dụng, đối tượng không áp dụng, mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng. Đồng thời căn cứ Công văn số 738/STTTT-BCXB ngày 19/4/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông thì sau 30 ngày đăng công thông tin điện tử tỉnh (từ 16/3/2018 đến 16/4/2018) theo quy định và không có ý kiến của người dân đề nghị sửa đổi nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 24/4/2018, Sở Nội vụ ban hành Văn bản số 1330/SNV-CCVC phối hợp Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng; đồng thời, có Văn bản số 1343/SNV-CCHC báo cáo đồng chí Bí thư Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh các dự thảo kế hoạch của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với nội dung trên (Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 122-CV/BCS-UBND ngày 26/4/2018 xin ý kiến các thành viên Ban Cán sự và các sở, ban, ngành có liên quan).

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Văn bản số 1481/LĐTBXH.QHLĐTL ngày 19/4/2018), các thành viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, đa số nhất trí đối với nội dung dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tuy nhiên, ý kiến ngành Tài chính (Văn bản số 4456/BTC-NSNN ngày 17/4/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 2434/STC-TCHCSN ngày 04/5/2018 của Sở Tài chính) đề nghị đối tượng áp dụng của chính sách chỉ tập trung giải quyết đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết

nêu trên và ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2275/BNV-TCBC ngày 23/5/2018 đề nghị bỏ đối tượng thuộc diện hưởng chính sách tinh giản biên chế (bao gồm cả đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) được hưởng chính sách thôi việc theo nguyện vọng.

Đề thống nhất ý kiến với các cơ quan, đơn vị có liên quan trước khi trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ chủ trì làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội họp để trao đổi, thống nhất các nội dung có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả các đồng chí tham gia cuộc họp cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất. Tuy nhiên, về đối tượng áp dụng của chính sách đề nghị chỉ bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; Đồng thời Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như: Xác định, giải trình cụ thể nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết; Xem xét, ghi cụ thể thời gian thực hiện, thời điểm hết hiệu lực của Nghị quyết; rà soát thể thức văn bản, bổ sung thêm dẫn chứng minh họa, cơ sở tính toán mức hỗ trợ để thuyết minh giải trình cho dự thảo Nghị quyết.

Căn cứ ý kiến góp ý tại cuộc họp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với nội dung trên.

Ngày 06/6/2018, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp rà soát, trao đổi, thống nhất và chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bao gồm 02 Điều như sau:

Điều 1. Ban hành Quy định chính sách

Điều 2. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

a) Điều 1: Quy định chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai:

- Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII tại:

+ Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố).

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối tượng áp dụng

+ Đối tượng áp dụng trong Nghị quyết này bao gồm:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã;
- Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);
- Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã;
- Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

+ Nghị quyết này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên; bác sĩ, dược sĩ, cử nhân công nghệ thông tin, kỹ sư công nghệ thông tin trở lên.

- Các trường hợp đang trong thời gian biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật, chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn

thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các trường hợp bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện áp dụng:

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

Trong đó, đối với cấp xã giao UBND cấp huyện, cấp xã chọn lọc những người có đủ tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, năng lực công tác tốt để giữ lại làm việc; ưu tiên giải quyết chế độ thôi việc đối với những người không đủ trình độ, năng lực, vi phạm kỷ luật, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, những người không còn khả năng đào tạo, bồi dưỡng...

- Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc được tính như sau (sau đây gọi chung thời gian được tính hỗ trợ thôi việc):

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian tính theo tháng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù, thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) chưa được nhận trợ cấp thôi việc (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

+ Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ấp (khu phố), thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác.

+ Trường hợp thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

- Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại chính sách này được tính hỗ trợ một lần với mức cụ thể như sau:

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 1 tháng lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 3 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định. Riêng đối với viên chức được hưởng thêm 0,5 tháng lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm thôi việc.

+ Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

- ✓ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- ✓ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp hết tuổi làm việc trước khi kết thúc nhiệm kỳ: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại trước khi hết tuổi làm việc.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

- ✓ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- ✓ Hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính.

- Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

- ✓ Công an viên xã:

➤ Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

➤ Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng.

✓ Dân quân thường trực cấp xã:

➤ Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở;

➤ Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 2 tháng lương cơ sở;

➤ Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

➤ Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.900.000 đồng cho mỗi năm công tác.

- Trường hợp có thời gian làm công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác.

+ Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

- Một số quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi hưởng chính sách thôi việc tại Nghị quyết này:

+ Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã đã được hỗ trợ theo chính sách này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ

quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh (trừ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng vào làm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm nhiệm vụ trong Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự xã và dân quân thường trực xã).

+ Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã đã được hỗ trợ theo chính sách này có nguyện vọng làm việc tại các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng chính sách theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí thực hiện

+ Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố) và các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên): Sau khi sử dụng các nguồn thu hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước sẽ cấp bù kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

+ Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư) do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị.

b) Điều 2: Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Điều khoản thi hành: Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX Kỳ họp thứ..... thông qua ngày tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Đính kèm:

1. Dự thảo Nghị quyết.
2. Báo cáo thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương.
4. Đánh giá tác động nghị quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó CT.UBND tỉnh (KGVX);
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Số: /2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng 7 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ quy định thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thôi việc cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII tại:

a) Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố).

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng áp dụng trong Nghị quyết này bao gồm:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã;
- Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);
- Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã;
- Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên; bác sĩ, dược sĩ, cử nhân công nghệ thông tin, kỹ sư công nghệ thông tin trở lên.

- Các trường hợp đang trong thời gian biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật, chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các trường hợp bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện áp dụng:

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

4. Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc được tính như sau (sau đây gọi chung thời gian được tính hỗ trợ thôi việc):

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian tính theo tháng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù, thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) chưa được nhận trợ cấp thôi việc (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

b) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng

thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ấp (khu phố), thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác.

c) Trường hợp thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

5. Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại chính sách này được tỉnh hỗ trợ một lần với mức cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được tỉnh hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 01 tháng lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định. Riêng đối với viên chức và người lao động được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm thôi việc.

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tỉnh hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp thời gian làm việc còn lại đến khi nghỉ hưu ít hơn thời gian còn lại của nhiệm kỳ: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm làm việc còn lại trước khi nghỉ hưu.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính.

- Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

+ Công an viên xã:

- Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng;

+ Dân quân thường trực cấp xã:

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 02 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.900.000 đồng cho mỗi năm công tác.

- Trường hợp có thời gian làm công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác.

d) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

6. Một số quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc tại Nghị quyết này

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã đã được hỗ trợ theo chính sách này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh (trừ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng vào làm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm nhiệm vụ trong Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự xã và dân quân thường trực xã).

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã đã được hỗ trợ theo chính sách này có nguyện vọng làm việc tại các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng chính sách theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

7. Kinh phí thực hiện

a) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố) và các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi

hoạt động thường xuyên): Sau khi sử dụng các nguồn thu hợp pháp của đơn vị, ngân sách nhà nước sẽ cấp bù kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên, đơn vị tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư) do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX Kỳ họp thứ..... thông qua ngày tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Thành phố Biên Hòa;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

CHỦ TỊCH

BÁO CÁO

V/v giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ số 107/BC-STP ngày 30/5/2018 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi nghiên cứu, rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh các nội dung Sở Tư pháp góp ý. Cụ thể:

- Điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 1 thành “Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã”.

- Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 về điều kiện áp dụng: “Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.”

- Điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 6 cụm từ “lực lượng công an xã” thành “Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã”.

- Điều chỉnh khoản 7 Điều 1 thành cụm từ “Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động”.

2. Căn cứ ý kiến tại Công văn số 2275/BNV-TCBC ngày 23/5/2018 của Bộ Nội vụ TCBC về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức bộ máy và theo nguyện vọng, Sở Nội vụ điều chỉnh bỏ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy hưởng chính sách tinh giản biên chế thì không được áp dụng chính sách theo Nghị quyết.

Trên đây là nội dung báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Số: *101* /BC-STP

Đồng Nai, ngày *12* tháng *5* năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1330/SNV-CCVC ngày 24/4/2018 của Sở Nội vụ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo: Tờ trình, Nghị quyết.
2. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương về dự thảo Nghị quyết; bản chụp ý kiến góp ý.
3. Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết.
4. Văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Văn bản số 158/HĐND-VP ngày 15/3/2018).
5. Văn bản số 4456/BTC-NSNN ngày 17/4/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 1481/BLĐTBXH-QHLĐTL ngày 19/4/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

II. Nội dung thẩm định

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết xây dựng quy định việc hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác tại: Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố).

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết xây dựng đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với thẩm quyền quyết định theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách.

3. Về nội dung dự thảo

a) Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 1, đề nghị trình bày như sau: Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã.

b) Tại khoản 3 Điều 1 về điều kiện áp dụng, đề nghị nội dung được phù hợp hơn đề nghị trình bày như sau: Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

c) Tại điểm a khoản 6 Điều 1, đề nghị quy định cụ thể những đối tượng là lực lượng công an xã.

d) Tại khoản 7 Điều 1, đề nghị bổ sung cụm từ “người lao động” vào sau cụm từ “Cán bộ, công chức, viên chức”.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Về dự thảo Tờ trình

Cơ quan soạn thảo đã thực hiện theo mẫu số 03 phụ lục V kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. Kết luận

1. Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung trên, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do.

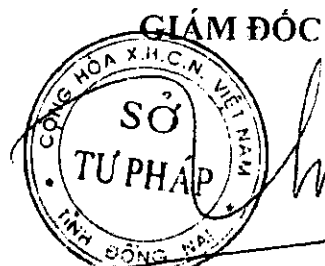
2. Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến các Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

Đến nay, địa phương đã nhận được ý kiến thống nhất về chủ trương của tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng từ nguồn ngân sách địa phương của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Sau khi Bộ Nội vụ có ý kiến đề nghị Sở Nội vụ tiếp tục báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KTNS; Ban Pháp chế;
- VP. UBND tỉnh (p/h);
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, XDKTVB.



Viện Hồng Tiến

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VỀ DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
THỜI VIỆC THEO DIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI VÀ THEO NGUYỆN VỌNG**

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2			
1	Quy trình xây dựng Nghị quyết	Sở Tư pháp	Lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan ở cấp xã, ấp (khu phố)	Căn cứ quy trình về lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở nội vụ đã ban hành các Văn bản số 754/SNV-CCVC ngày 09/3/2018 và Văn bản số 863/SNV-CCVC ngày 20/3/2018 lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó có lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đơn vị quản lý cấp xã, ấp). Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân cấp huyện đã triển khai đề nghị UBND cấp xã đồng góp ý kiến; đồng thời UBND cấp huyện nghiên cứu, góp ý sâu về đối tượng thuộc cấp xã, ấp (khu phố) như UBND huyện Tân Phú, UBND huyện Xuân Lộc... Ngoài việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến người dân (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động chuyên trách và không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố)), do đó Sở Nội vụ đã lấy ý kiến đầy đủ theo quy định.
			Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh	Thực hiện quy trình ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 158/HĐND-VP ngày 15/3/2018, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 834/SNV-CCVC ngày 16/3/2018 phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến người dân về dự thảo Nghị quyết hội đồng nhân dân tỉnh trên cổng thông tin điện tử, thời gian lấy ý kiến từ ngày 16/3/2018 đến ngày 16/4/2018 (30 ngày), đảm bảo thời gian theo quy định hiện hành.
2	Quy trình xây dựng Nghị quyết	Thanh tra tỉnh	- Trình bày theo Điều, Khoản, Điểm; - Đánh số trang văn bản	Thống nhất với ý kiến đề xuất
3		Sở Khoa học và Công nghệ	- In nghiêng phần căn cứ Nghị quyết; - Điều chỉnh nội dung thời gian thực hiện không thuộc khoản 3 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết	

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3		
4	Thê Thức Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	- Đề nghị sửa cụm từ: "Quy định chính sách hỗ trợ..." thành "Quy định mức hỗ trợ...". Do Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định chính quyền địa phương không ban hành chính sách. - Đề nghị thay cụm từ: "và theo nguyện vọng" thành "bộ máy".	- Không thống nhất ý kiến vì: Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời căn cứ Điều 27 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm thực hiện việc tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, vì vậy Nghị quyết quy định chính sách là phù hợp theo quy định pháp luật. - Do Nghị quyết thực hiện chính sách hỗ trợ đối với 02 đối tượng: + Đối tượng thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII). + Đối tượng tự nguyện thôi việc và cơ quan, đơn vị đồng ý.
5	Điều 1 dự thảo Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	Đề nghị điều chỉnh thành: "Nghị quyết này quy định việc hỗ trợ thôi việc tự nguyện và nghỉ hưu trước tuổi theo diện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của cán bộ..."	Không thống nhất ý kiến vì Nghị quyết chỉ thực hiện hỗ trợ thôi việc ngay (không thực hiện nghỉ hưu trước tuổi). Các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết muốn nghỉ hưu trước tuổi phải thực hiện theo quy định hiện hành (trừ tỷ lệ lương hưu hoặc giám định y khoa).
6	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	- Bổ sung cụ thể đối tượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên.	Không thống nhất nội dung đề xuất, do Nghị quyết đã quy định cụ thể nguồn chi trả kinh phí đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, nên không ảnh hưởng đến nguồn ngân sách tỉnh. Đồng thời, viên chức muốn tự nguyện thôi việc phải có ý kiến thống nhất của cơ quan, đơn vị. Do đó, việc áp dụng chính sách tại Nghị quyết đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, thu gọn tổ chức qua đó giảm chi phí lương hằng năm.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
7	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	- Bỏ đối tượng bảo vệ, phục vụ do đối tượng bắt buộc và không thể thiếu ở các cơ quan đơn vị.	Căn cứ Công văn số 139/BNV-TCBC ngày 11/01/2018 của Bộ Nội vụ thì tỉnh phải thực hiện cắt giảm biên chế hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Do đó tỉnh đang triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW theo đó sáp nhập, hợp nhất các cơ quan, tổ chức sẽ dôi dư đối tượng hợp đồng 68/2000/NĐ-CP (bao gồm lái xe, bảo vệ và phục vụ) cho nên việc giải quyết chế độ các đối tượng này là cần thiết. Tuy nhiên để đảm bảo đúng quy định trong quá trình thực hiện, Sở Nội vụ thống nhất chỉ thực hiện giải quyết đối với biên chế trong các cơ quan, đơn vị thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW
8		Huyện ủy Tân Phú	Bổ sung thêm đối tượng: ban bảo vệ, tổ bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn	Không thống nhất. Do đây là lực lượng quần chúng tự nguyện được thành lập ở các phường, thị trấn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã được cho hưởng chế độ phụ cấp theo Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND (nay là Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND) nên khi tỉnh thực hiện việc sát nhập các phường, thị trấn theo Nghị quyết số 18-NQ/TW thì lực lượng này đương nhiên chấm dứt hoạt động. Nếu được cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giữ lại để hoạt động hoặc được thành lập mới thì tiếp tục được hưởng phụ cấp theo quy định hiện hành của tỉnh. Do đó, đối với những người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố chỉ thực hiện hỗ trợ đối với 04 đối tượng là: Trưởng ấp, Phó trưởng ấp, Bí thư chi bộ ấp và Trưởng ban công tác mặt trận ấp.
9		Phòng Nội vụ huyện Xuân Lộc	Bỏ 02 đối tượng: - Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố); - Lực lượng công an xã (trừ Trưởng công an); Phó Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân thường trực xã.	Giữ nguyên 02 đối tượng trên do căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW thì phải thực hiện sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố, dẫn đến tình trạng dôi dư 02 đối tượng trên. Vì vậy việc giải quyết chế độ, chính sách là cần thiết.
10		Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Bỏ đối tượng những người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố.	

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2			
11	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	Có sự trùng lặp đối tượng giữa Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Điều 2 Dự thảo Nghị quyết.	Mục tiêu chính của việc xây dựng Nghị quyết là giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP như: cán bộ chuyên trách cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện thôi việc do không đáp ứng được điều kiện tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Riêng trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phải thực hiện tinh giản theo quy định.
12	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Hội đồng nhân dân tỉnh	phân định rõ đối tượng áp dụng theo chế độ này và đối tượng áp dụng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP	Mục tiêu chính của dự thảo Nghị quyết là nhằm giải quyết chế độ, cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên căn cứ tình hình thực tế, đối tượng "Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý" đề là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh phần lớn đối tượng này không muốn áp dụng nghị Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (phân loại, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt chuẩn trình độ chuyên môn), do đó nhằm khuyến khích, Nghị quyết xây dựng theo hướng vẫn hỗ trợ đối tượng "Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý" được hưởng thêm hỗ trợ của tỉnh.
13		Huyện ủy Trảng Bom	Điều chỉnh nội dung: "Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chế độ thu hút cấp xã."	Thông nhất với ý kiến đề xuất và điều chỉnh bổ sung Khoản 1 Điều 2 thành: Đối tượng áp dụng bao gồm (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức):...
14		Hội Nông dân tỉnh	Không nên đưa trường hợp người lao động chưa hoàn thành thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị vì đã được quy định của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, tài sản, bắt buộc người lao động phải thực hiện đúng quy định.	Không thống nhất với ý kiến đề xuất vì Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP quy định: cán bộ, công chức, viên chức chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, nên việc Nghị quyết quy định nội dung này nhằm cụ thể hóa Văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3		
15	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	Bổ sung đối tượng đã hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về hế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.	Thống nhất với ý kiến đề xuất và bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 2 Dự thảo: "Hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội."
16		Hội Nông dân tỉnh	Đề nghị bỏ đối tượng không áp dụng Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ Bác sĩ, Dược sĩ, cử nhân công nghệ thông tin hoặc kỹ sư công nghệ thông tin trở lên	Căn cứ thực trạng hiện nay, tỉnh chỉ đủ nhu cầu về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên ngành y tế và công nghệ thông tin. Vì vậy, việc thực hiện không áp dụng đối với Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân công nghệ thông tin và kỹ sư công nghệ thông tin nhằm đảm bảo không xảy ra tình trạng chảy máu chất xám ngành y tế (ra bệnh viện tư), công nghệ thông tin.
17		- Thanh tra Tỉnh - Ban Nội chính	Điều chỉnh thành: Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ Bác sĩ, Dược sĩ đại học, Cử nhân hoặc kỹ sư công nghệ thông tin trở lên.	Thống nhất ý kiến và điều chỉnh thành: Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân công nghệ thông tin hoặc kỹ sư công nghệ thông tin trở lên.
18		- Thanh tra tỉnh - Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Nội dung không thống nhất với Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định về đối tượng áp dụng.	Thống nhất ý kiến, Bổ sung khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết thành: "Thuộc chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (trừ Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý)."
19		Huyện ủy Trảng Bom	bỏ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã được hỗ trợ theo chính sách về công tác tại ấp (khu phố) thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ.	Thống nhất với ý kiến đề xuất

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
20	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	Đề nghị bỏ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức còn từ đủ 10 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu vì chảy máu chất xám	Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, đến năm tỉnh phải tổ chức cắt giảm tối thiểu thêm 5.248 biên chế trong đó gần 4000 biên chế viên chức. Do đó căn cứ vào số lượng việc chỉ giải quyết đối tượng từ 50 tuổi trở lên không đảm bảo số lượng theo kế hoạch. Đồng thời, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ từ đại học trở lên chiếm 65.56%, trung cấp, cao đẳng 32.15% (chủ yếu là giáo viên mầm non và tiểu học). Đồng thời Nghị quyết không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn cao (thạc sĩ) và các ngành nghề tỉnh đang thu hút như bác sĩ, dược sĩ, cử nhân, kỹ sư công nghệ thông tin. Do đó, về chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh vẫn đảm bảo, không cần thiết phải giữ lại cán bộ, công chức, viên chức không tâm huyết phục vụ trong bộ máy nhà nước. Ngoài ra, Sở Nội vụ chỉ dự kiến áp dụng chính sách đối với 10% tổng biên chế, nếu đủ số lượng sẽ tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh không thực hiện tiếp nên không thể xảy ra việc chảy máu chất xám.
21	Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Bổ sung quy định về hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (do đối tượng này trước ngày 01/01/2016 chỉ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Nghị định số 115/2015/NĐ-CP).	Điều chỉnh bổ sung Khoản 3 Điều 2 (Điều kiện áp dụng): Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc được tính như sau: - Đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian công tác bằng tổng thời gian tính theo tháng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) thuộc diện được hưởng trợ cấp của tỉnh nhưng chưa được nhận trợ cấp thôi việc (nếu có). - Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố): Thời gian công tác bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở xã, ấp (khu phố) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
22	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Điều chỉnh mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; - Nếu còn từ 05 năm đến dưới 10 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu (nam từ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi và nữ từ đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi): Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 300.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội; tối đa không quá 120.000.000 đồng - Nếu còn từ 01 năm đến dưới 05 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu (nam từ đủ 55 tuổi đến dưới 59 tuổi và nữ từ đủ 50 tuổi đến dưới 54 tuổi): Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 250.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội; tối đa không quá 100.000.000 đồng	Tiếp thu ý kiến và điều chỉnh mức hỗ trợ thành (sau khi tính toán lại): b) Nếu còn đủ 05 năm đến dưới 10 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu: Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 250.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội. c) Nếu còn đủ 01 năm đến dưới 05 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu: Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 200.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội.
23		Ủy ban nhân dân huyện Long Thành	- Mức hỗ trợ được tính theo mức lương cơ sở chung (thay đổi mức hỗ trợ khi mức lương cơ sở thay đổi), so sánh với mức hỗ trợ đề xuất tại dự thảo Nghị quyết tăng khoảng 40% năm 2018, đồng thời tăng theo từng năm thay đổi mức lương cơ sở. - Không khống chế mức hưởng tối đa.	Không thống nhất do việc tính hỗ trợ theo mức lương cơ sở do mức lương cơ sở thay đổi hằng năm, gây phức tạp trong việc dự trù và thẩm định kinh phí, đồng thời phải khống chế mức tối đa nhằm đảm bảo khả năng thực hiện bằng ngân sách tỉnh. Ngoài ra việc thực hiện chính sách này chỉ mang tính chất thời điểm nhằm phục vụ cho việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW
24		Ban Tổ chức Tỉnh ủy	- Nếu còn đủ 10 năm (tính theo tháng)...	Không thống nhất vì khi xem xét tuổi căn cứ tính là ngày sinh so với thời điểm đề xuất được nghỉ thôi việc theo nguyện vọng.
25		Bảo hiểm xã hội tỉnh	... từ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính tròn nửa năm, trên 06 tháng tính tròn một năm	Thống nhất với ý kiến đề xuất

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
26	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tinh úy quản lý: được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ của các đối tượng tại khoản 1 Điều 3"	Không thống nhất ý kiến đề xuất. Dự thảo Nghị quyết đã cụ thể hóa từng đối tượng nhằm đảm bảo việc hỗ trợ phù hợp tùy theo đối tượng, diện thời việc, độ tuổi và thâm niên công tác.
27		Sở Tài nguyên và Môi trường	Một mức hỗ trợ chung không chưa theo cấp quản lý và năm công tác đồng thời nâng mức hỗ trợ	
28		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nếu không thuộc đối tượng được quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì ngoài chế độ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí là 500.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội. mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.	Không thống nhất đề xuất. Vì chế độ hỗ trợ phụ thuộc vào thời gian công tác còn lại của cán bộ, công chức, viên chức, do đó đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức còn ít thời gian công tác thì chế độ hỗ trợ thấp hơn. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức khi tự nguyện thôi việc btương đương chế độ hỗ trợ tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.
29		Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Hướng dẫn về mức hỗ trợ và việc giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp: "Còn từ 01 năm đến 05 năm mới đến tuổi nghỉ hưu (nam từ đủ 55 tuổi đến dưới 59 tuổi và nữ từ đủ 50 tuổi đến dưới 54 tuổi) và có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên.	Điều chỉnh bổ sung Khoản 4 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng chế độ theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.
30		Sở Giao thông Vận tải	Tăng mức hỗ trợ gấp 1.5 lần so với dự thảo Nghị Quyết	Không thống nhất đề xuất. Do việc đề xuất mức hỗ trợ phải đảm bảo tính khả thi dựa trên tình hình thực tế của tỉnh. Việc đề xuất tăng 1.5 lần thì tổng chi phí dự kiến giải quyết tăng thêm 300 tỷ đồng, gây sức ép cho ngân sách nhà nước trong giải quyết chế độ, chính sách.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2		4	5
31	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Đề nghị tăng chế độ cho các đối tượng, đồng thời phối hợp giới thiệu công việc cho cán bộ, công chức, viên chức xin nghỉ việc.	Chế độ, chính sách được xây dựng dựa trên tình hình thực tế về ngân sách tỉnh. Do đó, việc tăng chế độ phải hợp lý và có tính khả thi. Riêng việc phối hợp để giới thiệu công việc cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc: Đối tượng chủ yếu của Nghị quyết là viên chức (gần 70%) thuộc đối tượng đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Luật việc làm nên khi nghỉ việc được chi trả trợ cấp thất nghiệp và giới thiệu việc làm theo quy định. Đồng thời, đối với cán bộ, công chức và người lao động nếu có nhu cầu công việc có thể liên hệ Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh để giới thiệu công việc. Về mức tăng cho đối tượng không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Sở Nội vụ đã cân nhắc, tính toán dựa trên mức lương trung bình chung của cả nhóm công chức, viên chức được hưởng và mức hỗ trợ thôi việc mà các nhóm đối tượng được hưởng theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP nên Sở Nội vụ đề xuất mức hỗ trợ như trên. Riêng đối với nhóm đối tượng còn từ trên 01 năm đến dưới 05 năm công tác, Sở Nội vụ đã tiếp thu và điều chỉnh tăng lên 200.000 đồng/tháng.
32		Huyện ủy Xuân Lộc	Đề nghị tăng mức hỗ trợ đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	
33	Khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	UBND huyện Trảng Bom	xem xét lại nội dung: "Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chế độ thu hút cấp xã hoặc chế độ hỗ trợ thu hút, đào tạo bồi dưỡng phải hoàn trả lại kinh phí thu hút, hỗ trợ trước khi thôi việc theo nguyện vọng".	Thống nhất bỏ nội dung phải hoàn trả lại kinh phí thu hút cấp xã hoặc chế độ hỗ trợ thu hút, đào tạo bồi dưỡng.
34		Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã được hỗ trợ theo chính sách này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố), các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh và được đơn vị đồng ý tiếp nhận thì nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh	Thống nhất với ý kiến đề xuất và hoàn chỉnh dự thảo

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3		
35	Điều 4 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	- Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên): do ngân sách nhà nước chi trả từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. - Cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị	Thống nhất với ý kiến đề xuất và hoàn chỉnh dự thảo
36		Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	- Đối với các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên): nguồn ngân sách địa phương chi trả. - Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: do đơn vị tự chi trả.	Theo ý kiến của Sở Tài chính
37		- Sở Y tế; - Huyện ủy Trảng Bom	Nguồn kinh phí chi trả đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Hiện nay, khi đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự chủ cả trong hoạt động tuyển dụng, giải quyết chế độ, chính sách, chi trả lương cho viên chức và người lao động thuộc đơn vị. Do đó, việc hỗ trợ kinh phí thực hiện Nghị quyết là không cần thiết. Đồng thời, mục tiêu chính của việc thực hiện Nghị quyết này là nhằm giải quyết chế độ, chính sách cho đối tượng thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW (giảm biên chế) nên đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (không giao biên chế) không là đối tượng cần khuyến khích tự nguyện thôi việc.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	
38	Đánh giá tác động	Sở Tài chính	Bổ sung biểu đồ tuổi công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.	Tiếp thu ý kiến đề xuất và đã hoàn chỉnh tại Đánh giá tác động
39	Đánh giá tác động	- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Giải trình số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án tinh giản biên chế	Đã giải trình cụ thể tại Tờ Trình số 2203/TTr-UBND ngày 09/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, theo Đề án tinh giản biên chế từ nay đến năm 2021 được thực hiện bằng cách cắt giảm biên chế hằng năm (cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu hằng năm). Riêng đối với Nghị quyết quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng được thực hiện nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.
40	Cách thức thực hiện Nghị quyết	Sở Tài chính	cách thức xử lý đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức hưởng chế độ sau đó chuyển cơ quan nhà nước ngoài tỉnh công tác	Định kỳ hàng quý, Sở Nội vụ sẽ đăng tải danh sách cán bộ, công chức, viên chức đã được giải quyết chế độ lên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ để các tổ chức, đơn vị, địa phương được biết. Ngoài ra việc thực hiện chính sách này là nhằm hỗ trợ, khuyến khích cho các đối tượng nghỉ việc có phần kinh phí để ổn định cuộc sống, tìm việc...Đồng thời nhằm mục đích loại ra khỏi bộ máy những người không tâm huyết hoặc không có năng lực, nếu người được hỗ trợ tiếp tục công tác trong bộ máy nhà nước của tỉnh thì thu lại phần kinh phí hỗ trợ, trường hợp người được hỗ trợ thì tuyển vào bộ máy nhà nước tỉnh khác thì cũng nên khuyến khích tạo điều kiện cho họ được tiếp tục cống hiến.
41		Sở Tài chính	bổ sung trình tự thực hiện đề án trong đó quy định cụ thể thời gian các đơn vị tổng hợp danh sách và dự toán kinh phí các đối tượng thôi việc theo nguyện vọng định kỳ 02 lần/năm (06 tháng/lần)	Tiếp thu ý kiến đề xuất. Sở Nội vụ sẽ phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn quy trình thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua theo hướng giải quyết theo từng quý.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
42	Nội dung khác	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Xác định lại việc tuyển dụng công chức, viên chức tương ứng với Đề án vị trí việc làm tỉnh.	Hiện nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi tuyển dụng, bố trí công tác đối với công chức, viên chức đều trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các trường hợp có trình độ chuyên môn không phù hợp vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị phải xem xét bố trí công việc khác hoặc tinh giản biên chế theo quy định. Riêng việc tăng chế độ thu hút để tuyển dụng người tài, tỉnh đã triển khai Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ và tiếp tục tuyển dụng đặc biệt không qua thi tuyển theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV, đảm bảo quyền lợi, chính sách đối với cán bộ, công chức trẻ có trình độ, chuyên môn cao vào phục vụ bộ máy nhà nước.

THUYẾT MINH GIẢI TRÌNH CHÍNH SÁCH

I. Căn cứ tham mưu quy định mức hỗ trợ

Trong thời gian qua, việc giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, theo đó đối với trường hợp về hưu trước tuổi được trợ cấp như sau:

“1. Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 48 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ sau:

- a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;*
- b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm b Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội;*
- c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.*

2. Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ quy định tại Điểm a, c Khoản 1 Điều này và được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội;

3. Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nam, trên 48 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, trong đó có đủ mười lăm năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ mười lăm năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

4. Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định này nếu trên 58 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.”

Đối với trường hợp thôi việc ngay được trợ cấp như sau:

- “- Trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;*
- Trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.”*

Tuy nhiên do điều kiện ràng buộc để được giải quyết tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP rất khó thực hiện, đồng thời đối tượng được giải quyết chủ yếu là người không đủ trình độ, năng lực yếu kém, từ đó tạo tâm lý e ngại đối với đội ngũ cán bộ, công chức khi thực hiện chính sách này, chính vì vậy từ khi có Nghị định đến nay trên địa bàn tỉnh chỉ có hơn 100 trường hợp được giải quyết theo chính sách này. Ngoài ra, để được hưởng chính sách này phải được Bộ Nội vụ thẩm định, phê duyệt, mỗi năm chia thành 02 đợt: 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm.

Do đó, để thực hiện hiệu quả và đảm bảo tỷ lệ tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thì việc áp dụng Nghị định 108/2014/NĐ-CP không mang tính khả thi. Vì vậy, chủ động trong quá trình thực hiện, đồng thời vẫn đảm bảo chính sách cho các đối tượng được tinh giản biên chế tương đương với chính sách tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Nội vụ tham mưu chính sách khuyến khích các đối tượng nghỉ việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức sắp xếp lại theo Nghị quyết số 18, 19.

Hiện nay chế độ hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng đối với các đối tượng được quy định như sau:

1. Đối với cán bộ

Hiện nay được vận dụng giải quyết chế độ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức:

“Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng.”

Ngoài ra, cán bộ là cấp ủy viên các cấp (trước các kỳ Đại hội Đảng) không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của đảng cộng sản Việt nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, nếu có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi gửi cơ quan quản lý cán bộ thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và được hưởng chế độ tại Nghị

định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội như sau:

"a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội;

c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho tổng số hai mươi năm đầu công tác, có đóng bảo hiểm xã hội; từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương;

d) Đối với cán bộ xếp lương chức vụ:

Tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, nếu đã xếp lương bậc 1 của chức danh hiện đảm nhiệm từ đủ 48 tháng trở lên thì được xếp lên bậc 2 của chức danh hiện đảm nhiệm để nghỉ hưu;

đ) Đối với cán bộ xếp lương chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo:

Cán bộ chưa xếp bậc lương cuối cùng ở ngạch hiện giữ mà trong thời gian giữ bậc luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật và tại thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, còn thiếu từ 01 đến 12 tháng để được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định thì được nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu.

Cán bộ đang hưởng bậc lương cuối cùng hoặc đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch hiện giữ, đã có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và trong quá trình công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không bị kỷ luật trong thời gian 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu thì được nâng ngạch không qua thi lên ngạch trên liền kề để nghỉ hưu;

e) Đối với cán bộ cấp xã công tác tại nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên; cán bộ cấp xã có thời gian tham gia quân đội, công an và được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương các loại nếu còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 2,5 năm (30 tháng) trở xuống mới đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí"

2. Đối với công chức

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ:

"Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: mức lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng."

3. Đối với viên chức

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức như sau:

“1. Trợ cấp thôi việc đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước được tính như sau:

a) Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 (một phần hai) tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có);

b) Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 (một) tháng lương hiện hưởng;

c) Trường hợp viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2003, thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008.

d) Trường hợp viên chức được tuyển dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2003 trở về sau, thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc theo hợp đồng làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2. Trợ cấp thôi việc đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến nay được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ cấp thất nghiệp.”

4. Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố)

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017 của HĐND tỉnh quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể như sau:

“Trường hợp không tham gia Bảo hiểm Xã hội bắt buộc, Bảo hiểm Xã hội tự nguyện, khi được cấp có thẩm quyền đồng ý cho nghỉ việc thì được hưởng trợ cấp 01 lần cứ mỗi năm công tác bằng 01 tháng phụ cấp hiện hưởng.”

5. Đối với Phó Trưởng công an xã, công an viên xã

Chế độ thôi việc được quy định tại Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh bổ sung Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 183/2010/NQ-HĐND ngày 26/10/2010 của HĐND tỉnh về việc thông qua chức danh, số lượng và chế độ chính sách cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

“Phó Trưởng Công an xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, không vi phạm kỷ luật nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hỗ trợ một lần, số tiền hỗ trợ được tính theo số năm công tác nhân với 1.900.000 đồng.

Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, không vi phạm kỷ luật nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hỗ trợ một lần, số tiền hỗ trợ được tính theo số năm công tác nhân với 1.300.000 đồng."

6. Đối với Phó Chỉ huy quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã

Chế độ thôi việc đối với Phó Chỉ huy quân sự cấp xã được quy định tại Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân Tự vệ:

"Trường hợp có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên nếu nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần, cứ 01 năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng trừ trường hợp tự ý bỏ việc, kỷ luật buộc thôi việc, bị tước quyền công dân."

Chế độ hỗ trợ thôi việc đối với dân quân thường trực thực hiện theo quy định của Luật Dân quân Tự vệ như sau:

"Dân quân nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, trong đó có ít nhất 12 tháng làm nhiệm vụ dân quân thường trực thì được miễn thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ và được hỗ trợ như sau:

a) 01 tháng lương tối thiểu chung đối với trường hợp có từ đủ 12 tháng đến dưới 18 tháng;

b) 02 tháng lương tối thiểu chung đối với trường hợp có từ đủ 18 tháng đến dưới 24 tháng;

c) 03 tháng lương tối thiểu chung đối với trường hợp có từ đủ 24 tháng trở lên."

7. Người lao động theo Hợp đồng 68/2000/NĐ-CP

Thực hiện theo quy định tại Bộ Luật Lao động 2012 như sau:

"1. Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương."

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc."

Như vậy, hiện các văn bản pháp luật có quy định về chế độ hỗ trợ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, tuy nhiên nhìn chung mức hỗ trợ còn thấp chưa đủ khuyến khích nghỉ việc theo nguyện vọng hoặc không đảm bảo cuộc sống sau khi nghỉ việc và tìm kiếm việc làm.

Xuất phát từ lý do trên, Sở Nội vụ tham mưu xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh trên cơ sở kết hợp chính sách tại các quy định hiện hành theo nguyên tắc sau:

- Đảm bảo hài hòa về mặt lợi ích của các nhóm:

+ Mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhận được tương đương mức trợ cấp tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP;

+ Mức hỗ trợ của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) do bầu cử vận dụng theo quy định tại Nghị định 26/2015/NĐ-CP;

+ Mức hỗ trợ của Phó Trưởng Công an xã tương đương Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã; mức hỗ trợ của công an viên xã tương đương mức hỗ trợ của dân quân thường trực cấp xã.

- Có làm thì có hưởng;

- Những quy định nào của Trung ương, của tỉnh đã hợp lý thì áp dụng không quy định thêm. Tỉnh chỉ quy định về chính sách hỗ trợ đối với khoảng thời gian mà Trung ương hoặc tỉnh chưa quy định hoặc quy định nhưng chưa hợp lý giữa các nhóm đối tượng.

II. Về các mức hỗ trợ cụ thể

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Sở Nội vụ tham mưu vận dụng chính sách trợ cấp về hưu trước tuổi, chính sách thôi việc ngay tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, đối với các nhóm tuổi tương ứng được tỉnh hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

+ *Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ mỗi năm công tác 1 tháng lương hiện hưởng;*

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 3 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

+ *Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 3 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định.*

Ở đây mức hỗ trợ chỉ có 01 tháng lương hiện hưởng do các quy định của Trung ương đã trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng lương hiện hưởng cho các đối tượng này, nếu cộng thêm 01 tháng lương hiện hưởng của tỉnh thì đúng bằng 1,5 tháng lương hiện hưởng theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP.

Về mức hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm chỉ hỗ trợ đối với nhóm có dưới 10 năm công tác, do đây là nhóm mới bắt đầu đi làm, lập trường tư tưởng chưa vững vàng, dễ nhảy việc, còn có nhiều cơ hội tìm việc làm; đồng thời tổng mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương và của tỉnh đối với nhóm này tương đối thấp. Tuy nhiên cần quy định tổng mức hỗ trợ tối đa của Trung ương và của tỉnh đối với nhóm này không quá 90.000.000 đồng để đảm bảo hài hòa về mặt lợi ích giữa các nhóm.

Ví dụ: Một công chức giữ ngạch chuyên viên sau 10 năm công tác hưởng mức lương bậc 4/9 hệ số 3,33, cộng với 25% phụ cấp công vụ sẽ có mức lương là 5.787.000 đồng. Như vậy tổng mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương và của tỉnh là:

Mức lương hiện hưởng	Số năm công tác	Mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương (mỗi năm 1/2 tháng lương hiện hưởng)	Mức hỗ trợ theo quy định của tỉnh (mỗi năm 1 tháng lương hiện hưởng; 03 tháng lương hiện hưởng tìm việc làm)	Tổng mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương và của tỉnh
5.787.000	10	28.935.000	75.231.000	104.166.000

Nếu không quy định mức hỗ trợ tối đa thì 01 công chức có 11 năm công tác cũng được hưởng mức lương như trên sẽ nhận được tổng mức hỗ trợ là:

Mức lương hiện hưởng	Số năm công tác	Mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương (mỗi năm 1/2 tháng lương hiện hưởng)	Mức hỗ trợ theo quy định của tỉnh (mỗi năm 1 tháng lương hiện hưởng; không được hỗ trợ 03 tháng lương hiện hưởng tìm việc làm)	Tổng mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương và của tỉnh
5.787.000	11	31.828.500	63.657.000	95.485.500

Như vậy nếu không quy định mức hỗ trợ tối đa thì một công chức có 10 năm công tác sẽ nhận được mức hỗ trợ nhiều hơn so với một công chức có 11 năm công tác là không hợp. Do đó, cần quy định mức tối đa. Mức hỗ trợ tối đa, Sở Nội vụ đề xuất là mức tiệm cận với tổng mức nhận được của một công chức giữ ngạch chuyên viên có 11 năm công tác (do trong giai đoạn 11 năm công tác rất ít người được thi nâng lên ngạch chuyên viên chính nên lấy mức lương theo lộ trình bình thường của công chức giữ ngạch chuyên viên) là 90.000.000 đồng.

2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm

2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

2.1. Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng (mức hỗ trợ vận dụng theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP; tuy nhiên chỉ hỗ trợ thời gian đóng bảo hiểm bắt buộc, tự nguyện do thời gian không đóng bảo hiểm tỉnh đã hỗ trợ theo quy định hiện hành)

+ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 3 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ

Trường hợp hết tuổi làm việc trước khi kết thúc nhiệm kỳ: được hỗ trợ 3 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại trước khi hết tuổi làm việc.

(Vận dụng mức hỗ trợ theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ).

2.2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác (mức hỗ trợ vận dụng theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP; tuy nhiên chỉ hỗ trợ thời gian đóng bảo hiểm bắt buộc, tự nguyện do thời gian không đóng bảo hiểm tỉnh đã hỗ trợ theo quy định hiện hành)

+ Hỗ trợ 3 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính (đây là chính sách để nhằm ổn định cuộc sống, tìm kiếm việc làm và để hòa nhập về mặt lợi ích so với nhóm giữ chức vụ theo nhiệm kỳ).

2.3. Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác (Vận dụng theo mức quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh; tuy nhiên chỉ quy định đối với thời gian dưới 60 tháng công tác do thời gian từ đủ 60 tháng công tác trở lên Trung ương, tỉnh đã hỗ trợ).

2.4. Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

+ Công an viên xã:

- Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác (vận dụng theo mức quy định của tỉnh);

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng (để đảm bảo tương đương về mức hỗ trợ so với dân quân thường trực cấp xã);

+ Dân quân thường trực cấp xã (quy định ở đây là vận dụng theo mức quy định của tỉnh đối với công an viên xã và để đảm bảo tương đương về mức hỗ trợ so với công an viên xã; quy định về chế độ hỗ trợ trong thời gian này do quy định của Trung ương chưa phù hợp, còn tỉnh chưa quy định cụ thể đối với thời gian này):

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 2 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác ($1,635 = 1,5 \times 1,09 =$ mức phụ cấp theo quy định hiện hành của tỉnh đối với công an viên xã).

3. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

3.1. Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

Do thời gian làm nhiệm vụ không chuyên trách đã kết thúc trong quá khứ nên không thể áp dụng mức phụ cấp và mức lương cơ sở theo quy định hiện hành để tính mức hỗ trợ; do đó, Sở Nội vụ đề xuất lấy mức hệ số phụ cấp theo quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND (tức quy định tại Nghị quyết 182/2010/NQ-HĐND, 199/2010/NQ-HĐND, hiện đã được thay thế bởi Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh) và mức lương cơ sở hiện nay đang áp dụng (1.300.000 đồng) để tính mức hỗ trợ.

Ví dụ: Chức danh Chủ nhiệm UBKT xã, Trưởng Ban Tuyên giáo xã được hưởng hệ số phụ cấp theo Quyết định 69/2010/QĐ-UBND, Quyết định 03/2011/QĐ-UBND là 1,7; giả sử một cán bộ, công chức có thời gian giữ một trong các chức vụ này là 10 năm, nếu áp dụng mức lương cơ sở 1.300.000 đồng, thì mức hỗ trợ nhận được là: $10 \times 1,5 \times 1,7 \times 1.300.000 = 33.150.000$ đồng.

3.2. Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.950.000 đồng cho mỗi năm công tác (ở đây vận dụng quy định mỗi năm công tác được hỗ trợ 1,5 tháng lương cơ sở; mức lương cơ sở áp dụng ở đây là 1.300.000 đồng do thời gian làm việc đã kết thúc trong quá khứ; vận dụng quy định tại Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

3.3. Trường hợp có thời gian làm công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác (ở đây vận dụng quy định mỗi năm công tác được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở; mức lương cơ sở áp dụng ở đây là 1.300.000 đồng do thời gian làm việc đã kết thúc trong quá khứ; vận dụng quy định tại Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

4. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội (nhằm đảm bảo hài hòa về mặt lợi ích giữa các nhóm đối với thời gian làm cán bộ, công chức, người lao động; do trước đây những người làm cán bộ, công chức, người lao động thôi việc theo nguyện vọng chỉ được nhận hỗ trợ $\frac{1}{2}$ tháng lương hiện hưởng nên nếu cộng thêm 1 tháng lương hiện hưởng nữa sẽ thành 1,5 tháng lương hiện hưởng tương đương với các đối tượng được hỗ trợ theo chính sách tại dự thảo Nghị quyết này).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~6707~~/TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu ban chấp hành trung ương khóa XII trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định công tác tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Vì vậy trong thời gian qua, tỉnh đã tập trung quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở thống nhất và thực hiện có hiệu quả chủ trương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; triển khai, cụ thể hóa các văn bản, quy định của Trung ương thành các kế hoạch, văn bản thực hiện của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh để thực hiện kịp thời, đảm bảo yêu cầu và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Trên cơ sở Quyết định số 2218/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 03-KH/TU ngày 09/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 và Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 về việc tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và viên chức

trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực Văn hóa, thể thao, du lịch và sự nghiệp khác, theo dự kiến số lượng biên chế công chức, viên chức cắt giảm toàn tỉnh đến năm 2021 là 594 người. Riêng đối với các ngành, lĩnh vực được giao biên chế theo định mức như sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo, sự nghiệp Y tế, sự nghiệp Lao động - Thương binh và Xã hội... tỉnh đang triển khai theo lộ trình thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo, phục vụ, chăm sóc y tế và an sinh xã hội.

Thực tế số lượng tinh giản biên chế hiện nay vẫn còn thấp so với yêu cầu giai đoạn 2015-2021 của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP/NĐ-CP (từ năm 2015 đến nay toàn tỉnh chỉ tinh giản được 167 trường hợp). Nguyên nhân chủ yếu do chế độ chính sách tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP vẫn còn thấp, chưa khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện thực hiện; một số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không thích được giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP vì sợ bị đánh giá là có năng lực hạn chế, yếu kém; ngoài ra nhiều công chức, viên chức có nguyện vọng tinh giản biên chế nhưng không đảm bảo yêu cầu về đối tượng, điều kiện tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Bên cạnh đó, việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện xin thôi việc theo quy định của Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức, viên chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức vẫn còn thấp nên số lượng công chức, viên chức thôi việc hằng năm rất ít, chủ yếu do hoàn cảnh gia đình hoặc chuyển sang khu vực tư nhân, dẫn đến việc giảm biên chế của tỉnh phụ thuộc vào đối tượng công chức, viên chức nghỉ hưu đúng tuổi.

Thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU ngày 24/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII của Đảng, trong đó việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập là nhiệm vụ trọng tâm; Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, theo đó thực hiện tổ chức lại, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp cùng với việc đẩy mạnh cơ chế giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự của các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh và cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo danh mục vị trí việc làm được Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, kết quả rà soát cho thấy dự kiến sẽ xuất hiện nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dôi dư trong quá trình tổ chức, sắp xếp lại bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, có nguyện vọng thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại nhưng chưa đúng yêu cầu về đối tượng, điều kiện tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (khoảng 5.462 người). Những người này có thể được giải quyết chính sách thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị

định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ với điều kiện là họ phải tự nguyện xin thôi việc, các cơ quan Nhà nước không được quyền bắt buộc họ nghỉ việc. Tuy nhiên như trình bày ở phần trên, chế độ giải quyết thôi việc theo quy định vẫn còn thấp nên chưa khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tự nguyện xin thôi việc.

Để triển khai hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, tạo cơ sở, điều kiện để thực hiện hiệu quả việc tổ chức, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh thì việc nghiên cứu, ban hành quy định hỗ trợ đặc thù của tỉnh hỗ trợ, khuyến khích công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại là hoàn toàn phù hợp và cấp thiết. Đồng thời việc quy định hỗ trợ đặc thù của tỉnh hỗ trợ, khuyến khích giúp tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi tự nguyện thôi việc có thêm một khoản kinh phí để bảo đảm ổn định cuộc sống.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc cơ cấu lại tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc và trực thuộc thông qua việc hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tự nguyện thôi việc trong quá trình cơ quan, tổ chức, đơn vị sắp xếp lại tổ chức bộ máy hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự hoặc do cơ cấu lại đội ngũ theo vị trí việc làm trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII.

- Góp phần giảm biên chế, bảo đảm sự ổn định về tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại. Thông qua việc tổ chức triển khai đồng bộ, công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng, cùng với quy định hỗ trợ hợp lý nhằm động viên và tạo điều kiện cho những người hưởng hỗ trợ sau khi nghỉ việc có thêm một khoản kinh phí để bảo đảm ổn định cuộc sống.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Nhằm thực hiện hiệu quả Thông báo số 1126/TB-UBND ngày 01/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh mở rộng về triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII;

- Việc thực hiện quy định hỗ trợ phải được tiến hành đồng bộ với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và đẩy mạnh cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự trong các đơn vị sự nghiệp công và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Làm cơ sở cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, đảm bảo hợp lý về trình độ chuyên môn, ngạch công chức và hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Việc xây dựng quy định hỗ trợ phải bám sát các chủ trương của Đảng, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, định hướng của Chính phủ, học tập kinh nghiệm của các tỉnh bạn và phải phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh Đồng Nai.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU ngày 24/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII của Đảng, trong đó việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngày 01/02/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo số 1126/TB-UBND về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh mở rộng về phương án triển khai các Nghị quyết số 18/NQ-TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, theo đó giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Ngày 06/3/2018, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 691/SNV-CCVC đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng và được Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 556/STP-XDKTVB ngày 07/3/2018.

- Ngày 09/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 2203/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng và được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Công văn số 158/HĐND-VP ngày 15/3/2018.

- Ngày 16/3/2018, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 834/SNV-CCVC ngày 16/3/2018 phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến người dân trên cổng thông tin điện tử tỉnh và Công văn số 863/SNV-CCVC ngày 20/3/2018 của Sở Nội vụ lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương về dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

- Ngày 28/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ Trình số 2907/TTr-UBND, 2908/TTr-UBND, 2909/TTr-UBND lấy ý kiến các Bộ Tài Chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng Nghị quyết Hội

đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh có 49 cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết (24 cơ quan, đơn vị, địa phương thống nhất dự thảo Nghị quyết), trong đó tập trung vào đối tượng áp dụng, đối tượng không áp dụng, mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng. Đồng thời căn cứ Công văn số 738/STTTT-BCXB ngày 19/4/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông thì sau 30 ngày đăng công thông tin điện tử tỉnh (từ 16/3/2018 đến 16/4/2018) theo quy định và không có ý kiến của người dân đề nghị sửa đổi nội dung dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 24/4/2018, Sở Nội vụ ban hành Văn bản số 1330/SNV-CCVC phối hợp Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ Trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng; đồng thời, có Văn bản số 1343/SNV-CCHC báo cáo đồng chí Bí thư Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh các dự thảo kế hoạch của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với nội dung trên (Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 122-CV/BCS-UBND ngày 26/4/2018 xin ý kiến các thành viên Ban Cán sự và các sở, ban, ngành có liên quan).

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Văn bản số 1481/LĐTBXH.QHLĐTL ngày 19/4/2018), các thành viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, đa số nhất trí đối với nội dung dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, tuy nhiên, ý kiến ngành Tài chính (Văn bản số 4456/BTC-NSNN ngày 17/4/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 2434/STC-TCHCSN ngày 04/5/2018 của Sở Tài chính) đề nghị đối tượng áp dụng của Nghị quyết chỉ tập trung giải quyết đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII và Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết nêu trên và ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2275/BNV-TCBC ngày 23/5/2018 đề nghị bỏ đối tượng thuộc diện hưởng chính sách tinh giản biên chế (bao gồm cả đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) được hưởng hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng.

Để thống nhất ý kiến với các cơ quan, đơn vị có liên quan trước khi trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ chủ trì làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Pháp chế, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y

tế, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội họp để trao đổi, thống nhất các nội dung có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định quy định hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kết quả các đồng chí tham gia cuộc họp cơ bản thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất. Tuy nhiên, về đối tượng áp dụng của Nghị quyết đề nghị chỉ bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; Đồng thời Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung như: Xác định, giải trình cụ thể nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết; Xem xét, ghi cụ thể thời gian thực hiện, thời điểm hết hiệu lực của Nghị quyết; rà soát thể thức văn bản, bổ sung thêm dẫn chứng minh họa, cơ sở tính toán mức hỗ trợ để thuyết minh giải trình cho dự thảo Nghị quyết.

Ngày 06/6/2018, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp rà soát, trao đổi, thống nhất và chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Ngày 21/6/2018, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 26/6/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII.

Căn cứ ý kiến góp ý tại các cuộc họp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các nội dung trên.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII bao gồm 02 Điều như sau:

Điều 1. Ban hành Quy định hỗ trợ

Điều 2. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

a) Điều 1: Quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn

vị được tổ chức, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII:

- Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII tại:

+ Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố) thuộc tỉnh;

+ Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh.

- Đối tượng áp dụng

+ Đối tượng áp dụng trong Nghị quyết này bao gồm:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã;
- Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);
- Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã;
- Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

+ Nghị quyết này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

• Đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

• Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

• Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật;

• Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên; bác sĩ, dược sĩ, cử nhân xét nghiệm, cử nhân y tế công cộng, cử nhân công nghệ thông tin, kỹ sư công nghệ thông tin đang được bố trí công tác đúng chuyên ngành đào tạo hoặc thuộc đối tượng thu hút tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2010 quy định chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công

nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 quy định chế độ thu hút đối với viên chức ngành Y tế giai đoạn 2012 - 2020 và chế độ hỗ trợ đối với viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2017, Quyết định số 4690/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 - 2020.

- Các trường hợp đang trong thời gian biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật, chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các trường hợp bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

- Điều kiện áp dụng:

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo Nghị quyết này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

Trong đó, đối với cấp xã giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chọn lọc những người có đủ tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, năng lực công tác tốt để giữ lại làm việc; ưu tiên giải quyết chế độ thôi việc đối với những người không đủ trình độ, năng lực, vi phạm kỷ luật, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, những người không còn khả năng đào tạo, bồi dưỡng...

- Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc được tính như sau (sau đây gọi chung thời gian được tính hỗ trợ thôi việc):

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian tính theo tháng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội. đặc thù, thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) chưa được nhận trợ cấp thôi việc (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

+ Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ấp (khu phố), thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã chưa nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp bảo hiểm

xã hội một lần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã từng công tác. Đối với những người đang hưởng chế độ hưu trí chỉ tính thời gian tham gia công tác sau khi nghỉ hưu nhưng chưa được nhận trợ cấp thôi việc.

+ Trường hợp thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

- Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại Nghị quyết này được tính hỗ trợ một lần với mức cụ thể như sau:

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 1 tháng lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên hoặc có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên: được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định.

Các trường hợp đủ điều kiện về tuổi, nhưng không đủ điều kiện về số năm đóng bảo hiểm xã hội hoặc số năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, số năm làm việc ở nơi có phụ cấp hệ số 0,7 trở lên:

- ✓ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội dưới 10 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội và 03 tháng tiền lương hiện hưởng để ổn định cuộc sống nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- ✓ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 10 năm đến dưới 20 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với viên chức và người lao động được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm thôi việc.

+ Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

- ✓ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- ✓ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp thời gian làm việc còn lại đến khi nghỉ hưu ít hơn thời gian còn lại của nhiệm kỳ: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm làm việc còn lại trước khi nghỉ hưu.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

- ✓ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- ✓ Hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính.

- Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

- ✓ Công an viên xã:

- Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng.

- ✓ Dân quân thường trực cấp xã:

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 2 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 1 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng

Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.900.000 đồng cho mỗi năm công tác.

- Trường hợp có thời gian làm công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác.

+ Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

- Một số quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi hưởng hỗ trợ thôi việc tại Nghị quyết này:

+ Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh (trừ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng vào làm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm nhiệm vụ trong Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự xã và dân quân thường trực xã).

+ Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này có nguyện vọng làm việc tại các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng phải nộp lại kinh phí đã

hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh.

+ Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí thực hiện

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố): nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

+ Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị;
- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị. Sau năm 2020, việc xác định nguồn kinh phí sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

+ Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư nguồn kinh phí hỗ trợ lấy từ:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật.

b) Điều 2: Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi, thông nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

- Điều khoản thi hành: Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX Kỳ họp thứ..... thông qua ngày tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 6282/TTr-UBND ngày 18/6/2018 của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Đính kèm:

1. Dự thảo Nghị quyết.
2. Báo cáo thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.
3. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

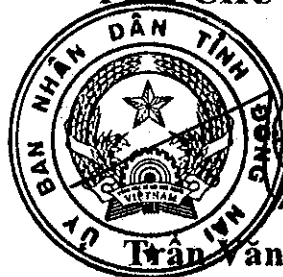
Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó CT.UBND tỉnh (KGVX);
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh VP.UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI KHÓA IX KỲ HỌP THỨ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ quy định thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 6282/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII tại:

a) Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố) thuộc tỉnh;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng áp dụng trong Nghị quyết này bao gồm:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã;
- Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);
- Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã;
- Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên; bác sĩ, dược sĩ, cử nhân xét nghiệm, cử nhân y tế công cộng, cử nhân công nghệ thông tin, kỹ sư công nghệ thông tin trở lên đang được bố trí công tác đúng chuyên ngành đào tạo hoặc thuộc đối tượng thu hút tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2010 quy định chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 quy định chế độ thu hút đối với viên chức ngành Y tế giai đoạn 2012 - 2020 và chế độ hỗ trợ đối với viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2017, Quyết định số 4690/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 - 2020.

- Các trường hợp đang trong thời gian biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật, chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các trường hợp bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện áp dụng:

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

4. Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc như sau (sau đây gọi chung là thời gian được tính hỗ trợ thôi việc):

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian tính theo tháng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, lực lượng vũ trang, đơn vị

sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù, thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) chưa được nhận trợ cấp thôi việc (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

b) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ấp (khu phố), thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã chưa nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã từng công tác. Đối với những người đang hưởng chế độ hưu trí chỉ tính thời gian tham gia công tác sau khi nghỉ hưu nhưng chưa được nhận trợ cấp thôi việc.

c) Trường hợp thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

5. Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại Nghị quyết này được tính hỗ trợ một lần với mức cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên hoặc có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên: được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định.

Các trường hợp đủ điều kiện về tuổi, nhưng không đủ điều kiện về số năm đóng bảo hiểm xã hội hoặc số năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, số năm làm việc ở nơi có phụ cấp hệ số 0,7 trở lên:

+ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội dưới 10 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội và 03 tháng tiền lương hiện hưởng để ổn định cuộc sống nhưng tối đa không quá 90.000.000 đồng.

+ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 10 năm đến dưới 20 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với viên chức và người lao động được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm thôi việc.

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp thời gian làm việc còn lại đến khi nghỉ hưu ít hơn thời gian còn lại của nhiệm kỳ: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm làm việc còn lại trước khi nghỉ hưu.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính.

- Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

+ Công an viên xã:

• Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng;

+ Dân quân thường trực cấp xã:

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 02 tháng lương cơ sở;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

- Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.900.000 đồng cho mỗi năm công tác.

- Trường hợp có thời gian làm công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác.

d) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

6. Một số quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi hưởng hỗ trợ thôi việc tại Nghị quyết này

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công

lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh (trừ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng vào làm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự xã và dân quân thường trực xã).

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã đã được hỗ trợ theo chính sách này có nguyện vọng làm việc tại các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

7. Kinh phí thực hiện

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố): nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

b) Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị;
- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị. Sau năm 2020, việc xác định nguồn kinh phí sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

c) Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự

nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư nguồn kinh phí hỗ trợ lấy từ:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX Kỳ họp thứ..... thông qua ngày tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã Long Khánh và Thành phố Biên Hòa;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, các CV.

CHỦ TỊCH

BÁO CÁO

V/v giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ số 107/BC-STP ngày 30/5/2018 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi nghiên cứu, rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh các nội dung Sở Tư pháp góp ý. Cụ thể:

- Điều chỉnh điểm a khoản 2 Điều 1 thành “Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã”.

- Điều chỉnh khoản 3 Điều 1 về điều kiện áp dụng: “Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.”

- Điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 6 cụm từ “lực lượng công an xã” thành “Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã”.

- Điều chỉnh khoản 7 Điều 1 thành cụm từ “Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động”.

2. Căn cứ ý kiến tại Công văn số 2275/BNV-TCBC ngày 23/5/2018 của Bộ Nội vụ TCBC về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức bộ máy và theo nguyện vọng, Sở Nội vụ điều chỉnh bỏ đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy hưởng chính sách tinh giản biên chế thì không được áp dụng chính sách theo Nghị quyết.

Trên đây là nội dung báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Số: 101 /BC-STP

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1330/SNV-CCVC ngày 24/4/2018 của Sở Nội vụ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo: Tờ trình, Nghị quyết.
2. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, địa phương về dự thảo Nghị quyết; bản chụp ý kiến góp ý.
3. Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết.
4. Văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (Văn bản số 158/HĐND-VP ngày 15/3/2018).
5. Văn bản số 4456/BTC-NSNN ngày 17/4/2018 của Bộ Tài chính và Văn bản số 1481/BLĐTBXH-QHĐTL ngày 19/4/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

II. Nội dung thẩm định

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết xây dựng quy định việc hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác tại: Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố).

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo Nghị quyết xây dựng đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với thẩm quyền quyết định theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh trong lĩnh vực y tế, lao động và thực hiện chính sách xã hội và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách.

3. Về nội dung dự thảo

a) Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm a khoản 2 Điều 1, đề nghị trình bày như sau: Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã.

b) Tại khoản 3 Điều 1 về điều kiện áp dụng, đề nghị được phù hợp hơn đề nghị trình bày như sau: Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

c) Tại điểm a khoản 6 Điều 1, đề nghị quy định cụ thể những đối tượng là lực lượng công an xã.

d) Tại khoản 7 Điều 1, đề nghị bổ sung cụm từ “người lao động” vào sau cụm từ “Cán bộ, công chức, viên chức”.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Về dự thảo Tờ trình

Cơ quan soạn thảo đã thực hiện theo mẫu số 03 phụ lục V kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. Kết luận

1. Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung trên, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đảm bảo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do.

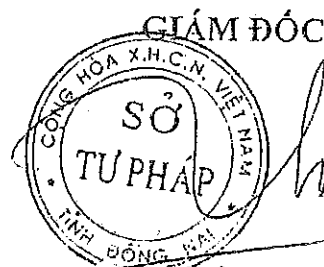
2. Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước, Sở Nội vụ đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến các Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng.

Đến nay, địa phương đã nhận được ý kiến thống nhất về chủ trương của tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng từ nguồn ngân sách địa phương của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Sau khi Bộ Nội vụ có ý kiến đề nghị Sở Nội vụ tiếp tục báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Nội vụ nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KTNS; Ban Pháp chế;
- VP. UBND tỉnh (p/h);
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, XDKTVB.



Viên Hồng Tiến

**BẢNG TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG VỀ DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
THÔI VIỆC THEO DIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI VÀ THEO NGUYỆN VỌNG**

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
1	Quy trình xây dựng Nghị quyết	Sở Tư pháp	Lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan ở cấp xã, ấp (khu phố)	Căn cứ quy trình về lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở nội vụ đã ban hành các Văn bản số 754/SNV-CCVC ngày 09/3/2018 và Văn bản số 863/SNV-CCVC ngày 20/3/2018 lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong đó có lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đơn vị quản lý cấp xã, ấp). Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân cấp huyện đã triển khai đề nghị UBND cấp xã đồng góp ý kiến; đồng thời UBND cấp huyện nghiên cứu, góp ý sâu về đối tượng thuộc cấp xã, ấp (khu phố) như UBND huyện Tân Phú, UBND huyện Xuân Lộc... Ngoài việc lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến người dân (bao gồm cả cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động chuyên trách và không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố)), do đó Sở Nội vụ đã lấy ý kiến đầy đủ theo quy định.
			Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh	Thực hiện quy trình ban hành Văn bản quy phạm pháp luật, sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 158/HĐND-VP ngày 15/3/2018, Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 834/SNV-CCVC ngày 16/3/2018 phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông lấy ý kiến người dân về dự thảo Nghị quyết hội đồng nhân dân tỉnh trên cổng thông tin điện tử, thời gian lấy ý kiến từ ngày 16/3/2018 đến ngày 16/4/2018 (30 ngày), đảm bảo thời gian theo quy định hiện hành.
2	Quy trình xây dựng Nghị quyết	Thanh tra tỉnh	- Trình bày theo Điều, Khoản, Điểm; - Đánh số trang văn bản	Thống nhất với ý kiến đề xuất
3		Sở Khoa học và Công nghệ	- In nghiêng phần căn cứ Nghị quyết; - Điều chỉnh nội dung thời gian thực hiện không thuộc khoản 3 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết	

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
4	Thê Thức Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	- Đề nghị sửa cụm từ: "Quy định chính sách hỗ trợ..." thành "Quy định mức hỗ trợ...". Do Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định chính quyền địa phương không ban hành chính sách. - Đề nghị thay cụm từ: "và theo nguyện vọng" thành "bộ máy".	- Không thống nhất ý kiến vì: Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có quyền ban hành Nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh. Đồng thời căn cứ Điều 27 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên. Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm thực hiện việc tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, vì vậy Nghị quyết quy định chính sách là phù hợp theo quy định pháp luật. - Do Nghị quyết thực hiện chính sách hỗ trợ đối với 02 đối tượng: + Đối tượng thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII). + Đối tượng tự nguyện thôi việc và cơ quan, đơn vị đồng ý.
5	Điều 1 dự thảo Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	Đề nghị điều chỉnh thành: "Nghị quyết này quy định việc hỗ trợ thôi việc tự nguyện và nghỉ hưu trước tuổi theo diện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của cán bộ..."	Không thống nhất ý kiến vì Nghị quyết chỉ thực hiện hỗ trợ thôi việc ngay (không thực hiện nghỉ hưu trước tuổi). Các đối tượng được hưởng chính sách theo Nghị quyết muốn nghỉ hưu trước tuổi phải thực hiện theo quy định hiện hành (trừ tỷ lệ lương hưu hoặc giám định y khoa).
6	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	- Bổ sung cụ thể đối tượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên.	Không thống nhất nội dung đề xuất, do Nghị quyết đã quy định cụ thể nguồn chi trả kinh phí đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, nên không ảnh hưởng đến nguồn ngân sách tỉnh. Đồng thời, viên chức muốn tự nguyện thôi việc phải có ý kiến thống nhất của cơ quan, đơn vị. Do đó, việc áp dụng chính sách tại Nghị quyết đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, thu gọn tổ chức qua đó giảm chi phí hàng năm.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
7	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	- Bỏ đối tượng bảo vệ, phục vụ do đối tượng bắt buộc và không thể thiếu ở các cơ quan đơn vị.	Căn cứ Công văn số 139/BNV-TCBC ngày 11/01/2018 của Bộ Nội vụ thì tỉnh phải thực hiện cắt giảm biên chế hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Do đó tỉnh đang triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW theo đó sáp nhập, hợp nhất các cơ quan tổ chức sẽ dôi dư đối tượng hợp đồng 68/2000/NĐ-CP (bao gồm lái xe, bảo vệ và phục vụ) cho nên việc giải quyết chế độ các đối tượng này là cần thiết. Tuy nhiên để đảm bảo đúng quy định trong quá trình thực hiện, Sở Nội vụ thống nhất chỉ thực hiện giải quyết đối với biên chế trong các cơ quan, đơn vị thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.
8		Huyện ủy Tân Phú	Bổ sung thêm đối tượng: ban bảo vệ, tổ bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn	Không thống nhất. Do đây là lực lượng quần chúng tự nguyện được thành lập ở các phường, thị trấn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã được cho hưởng chế độ phụ cấp theo Nghị quyết số 130/2009/NQ-HĐND (nay là Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND) nên khi tỉnh thực hiện việc sát nhập các phường, thị trấn theo Nghị quyết số 18-NQ/TW thì lực lượng này đương nhiên chấm dứt hoạt động. Nếu được cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giữ lại để hoạt động hoặc được thành lập mới thì tiếp tục được hưởng phụ cấp theo quy định hiện hành của tỉnh. Do đó, đối với những người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố chỉ thực hiện hỗ trợ đối với 04 đối tượng là: Trưởng ấp, Phó trưởng ấp, Bí thư chi bộ ấp và Trưởng ban công tác mặt trận ấp.
9		Phòng Nội vụ huyện Xuân Lộc	Bỏ 02 đối tượng: - Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố); - Lực lượng công an xã (trừ Trưởng công an); Phó Chỉ huy Quân sự và lực lượng dân quân thường trực xã.	Giữ nguyên 02 đối tượng trên do căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW thì phải thực hiện sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố, dẫn đến tình trạng dôi dư 02 đối tượng trên. Vì vậy việc giải quyết chế độ, chính sách là cần thiết.
10		Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Bỏ đối tượng những người hoạt động không chuyên trách ấp, khu phố.	

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
11	Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	Có sự trùng lặp đối tượng giữa Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Điều 2 Dự thảo Nghị quyết.	Mục tiêu chính của việc xây dựng Nghị quyết là giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP như: cán bộ chuyên trách cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện thôi việc do không đáp ứng được điều kiện tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Riêng trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phải thực hiện tinh giản theo quy định.
12	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Hội đồng nhân dân tỉnh	phân định rõ đối tượng áp dụng theo chế độ này và đối tượng áp dụng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP	Mục tiêu chính của dự thảo Nghị quyết là nhằm giải quyết chế độ, cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên căn cứ tình hình thực tế, đối tượng "Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý" đề là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh phần lớn đối tượng này không muốn áp dụng nghị Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (phân loại, đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt chuẩn trình độ chuyên môn), do đó nhằm khuyến khích, Nghị quyết xây dựng theo hướng vẫn hỗ trợ đối tượng "Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý" được hưởng thêm hỗ trợ của tỉnh.
13		Huyện ủy Trảng Bom	Điều chỉnh nội dung: "Riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chế độ thu hút cấp xã."	Thông nhất với ý kiến đề xuất và điều chỉnh bổ sung Khoản 1 Điều 2 thành: Đối tượng áp dụng bao gồm (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức):...
14		Hội Nông dân tỉnh	Không nên đưa trường hợp người lao động chưa hoàn thành thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị vì đã được quy định của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, tài sản, bắt buộc người lao động phải thực hiện đúng quy định.	Không thống nhất với ý kiến đề xuất vì Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP quy định: cán bộ, công chức, viên chức chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, nên việc Nghị quyết quy định nội dung này nhằm cụ thể hóa Văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
15	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Hội Nông dân tỉnh	Bổ sung đối tượng đã hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.	Thống nhất với ý kiến đề xuất và bổ sung Điểm a Khoản 2 Điều 2 Dự thảo "Hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội."
16		Hội Nông dân tỉnh	Đề nghị bỏ đối tượng không áp dụng Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ Bác sĩ, Dược sĩ, cử nhân công nghệ thông tin hoặc kỹ sư công nghệ thông tin trở lên	Căn cứ thực trạng hiện nay, tính chỉ đủ nhu cầu về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên ngành y tế và công nghệ thông tin. Vì vậy, việc thực hiện không áp dụng đối với Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân công nghệ thông tin và kỹ sư công nghệ thông tin nhằm đảm bảo không xảy ra tình trạng chảy máu chất xám ngành y tế (ra bệnh viện tư), công nghệ thông tin.
17		- Thanh tra Tỉnh - Ban Nội chính	Điều chỉnh thành: Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ Bác sĩ, Dược sĩ đại học, Cử nhân hoặc kỹ sư công nghệ thông tin trở lên.	Thống nhất ý kiến và điều chỉnh thành: Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ Bác sĩ, Dược sĩ, Cử nhân công nghệ thông tin hoặc kỹ sư công nghệ thông tin trở lên.
18		- Thanh tra tỉnh - Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Nội dung không thống nhất với Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định về đối tượng áp dụng.	Thống nhất ý kiến, Bổ sung khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết thành: "Thuộc chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (trừ Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý)."
19		Huyện ủy Trảng Bom	bỏ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã được hỗ trợ theo chính sách về công tác tại ấp (khu phố) thì phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ.	Thống nhất với ý kiến đề xuất

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
20	Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	Đề nghị bỏ đối tượng cán bộ, công chức, viên chức còn từ đủ 10 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu vì chảy máu chất xám	Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, đến năm tính phải tổ chức cắt giảm tối thiểu thêm 5.248 biên chế trong đó gần 4000 biên chế viên chức. Do đó căn cứ vào số lượng việc chỉ giải quyết đối tượng từ 50 tuổi trở lên không đảm bảo số lượng theo kế hoạch. Đồng thời, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ từ đại học trở lên chiếm 65.56%, trung cấp, cao đẳng 32.15% (chủ yếu là giáo viên mầm non và tiểu học). Đồng thời Nghị quyết không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn cao (thạc sĩ) và các ngành nghề tỉnh đang thu hút như bác sĩ, dược sĩ, cử nhân, kỹ sư công nghệ thông tin. Do đó, về chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh vẫn đảm bảo, không cần thiết phải giữ lại cán bộ, công chức, viên chức không tâm huyết phục vụ trong bộ máy nhà nước. Ngoài ra, Sở Nội vụ chỉ dự kiến áp dụng chính sách đối với 10% tổng biên chế, nếu đủ số lượng sẽ tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh không thực hiện tiếp nên không thể xảy ra việc chảy máu chất xám.
21	Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Bổ sung quy định về hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (do đối tượng này trước ngày 01/01/2016 chỉ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Nghị định số 115/2015/NĐ-CP).	Điều chỉnh bổ sung Khoản 3 Điều 2 (Điều kiện áp dụng): Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc được tính như sau: - Đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian công tác bằng tổng thời gian tính theo tháng có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) thuộc diện được hưởng trợ cấp của tỉnh nhưng chưa được nhận trợ cấp thôi việc (nếu có). - Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố): Thời gian công tác bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở xã, ấp (khu phố) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi công tác.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
22	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Điều chỉnh mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; - Nếu còn từ 05 năm đến dưới 10 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu (nam từ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi và nữ từ đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi): Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 300.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội; tối đa không quá 120.000.000 đồng - Nếu còn từ 01 năm đến dưới 05 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu (nam từ đủ 55 tuổi đến dưới 59 tuổi và nữ từ đủ 50 tuổi đến dưới 54 tuổi): Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 250.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội; tối đa không quá 100.000.000 đồng	Tiếp thu ý kiến và điều chỉnh mức hỗ trợ thành (sau khi tính toán lại): b) Nếu còn đủ 05 năm đến dưới 10 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu: Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 250.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội. c) Nếu còn đủ 01 năm đến dưới 05 năm công tác mới đến tuổi nghỉ hưu: Được hỗ trợ một khoản kinh phí là 200.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội.
23		Ủy ban nhân dân huyện Long Thành	- Mức hỗ trợ được tính theo mức lương cơ sở chung (thay đổi mức hỗ trợ khi mức lương cơ sở thay đổi), so sánh với mức hỗ trợ đề xuất tại dự thảo Nghị quyết tăng khoảng 40% năm 2018, đồng thời tăng theo từng năm thay đổi mức lương cơ sở. - Không khống chế mức hưởng tối đa.	Không thống nhất do việc tính hỗ trợ theo mức lương cơ sở do mức lương cơ sở thay đổi hằng năm, gây phức tạp trong việc dự trù và thẩm định kinh phí, đồng thời phải khống chế mức tối đa nhằm đảm bảo khả năng thực hiện bằng ngân sách tỉnh. Ngoài ra việc thực hiện chính sách này chỉ mang tính chất thời điểm nhằm phục vụ cho việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW
24		Ban Tổ chức Tỉnh ủy	- Nếu còn đủ 10 năm (tính theo tháng)...	Không thống nhất vì khi xem xét tuổi căn cứ tính là ngày sinh so với thời điểm đề xuất được nghỉ thôi việc theo nguyện vọng.
25		Bảo hiểm xã hội tỉnh	... từ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính tròn nửa năm, trên 06 tháng tính tròn một năm	Thống nhất với ý kiến đề xuất

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
26	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc đối tượng tinh úy quản lý: được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ của các đối tượng tại khoản 1 Điều 3"	Không thống nhất ý kiến đề xuất. Dự thảo Nghị quyết đã cụ thể hóa từng đối tượng nhằm đảm bảo việc hỗ trợ phù hợp tùy theo đối tượng, diện thời việc, độ tuổi và thâm niên công tác.
27		Sở Tài nguyên và Môi trường	Một mức hỗ trợ chung không chưa theo cấp quản lý và năm công tác đồng thời nâng mức hỗ trợ	
28		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nếu không thuộc đối tượng được quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì ngoài chế độ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP của Chính phủ, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí là 500.000 đồng đối với mỗi tháng công tác có đóng bảo hiểm xã hội. mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.	Không thống nhất đề xuất. Vì chế độ hỗ trợ phụ thuộc vào thời gian công tác còn lại của cán bộ, công chức, viên chức, do đó đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức còn ít thời gian công tác thì chế độ hỗ trợ thấp hơn. Tuy nhiên, vẫn đảm bảo mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức khi tự nguyện thôi việc tương đương chế độ hỗ trợ tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.
29		Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú	Hướng dẫn về mức hỗ trợ và việc giải quyết chế độ hưu trí theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp: "Còn từ 01 năm đến 05 năm mới đến tuổi nghỉ hưu (nam từ đủ 55 tuổi đến dưới 59 tuổi và nữ từ đủ 50 tuổi đến dưới 54 tuổi) và có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên.	Điều chỉnh bổ sung Khoản 4 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hưởng chế độ theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.
30		Sở Giao thông Vận tải	Tăng mức hỗ trợ gấp 1.5 lần so với dự thảo Nghị Quyết	Không thống nhất đề xuất. Do việc đề xuất mức hỗ trợ phải đảm bảo tính khả thi dựa trên tình hình thực tế của tỉnh. Việc đề xuất tăng 1.5 lần thì tổng chi phí dự kiến giải quyết tăng thêm 300 tỷ đồng, gây sức ép cho ngân sách nhà nước trong giải quyết chế độ, chính sách.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
31	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Đề nghị tăng chế độ cho các đối tượng, đồng thời phối hợp giới thiệu công việc cho cán bộ, công chức, viên chức xin nghỉ việc.	Chế độ, chính sách được xây dựng dựa trên tình hình thực tế về ngân sách tỉnh. Do đó, việc tăng chế độ phải hợp lý và có tính khả thi. Riêng việc phối hợp để giới thiệu công việc cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc: Đối tượng chủ yếu của Nghị quyết là viên chức (gần 70% thuộc đối tượng đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Luật việc làm nên khi nghỉ việc được chi trả trợ cấp thất nghiệp và giới thiệu việc làm theo quy định. Đồng thời, đối với cán bộ, công chức và người lao động nếu có nhu cầu công việc có thể liên hệ Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh để giới thiệu công việc. Về mức tăng cho đối tượng không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Sở Nội vụ đã cân nhắc, tính toán dựa trên mức lương trung bình chung của cả nhóm công chức, viên chức được hưởng và mức hỗ trợ thôi việc mà các nhóm đối tượng được hưởng theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP nên Sở Nội vụ đề xuất mức hỗ trợ như trên. Riêng đối với nhóm đối tượng còn từ trên 01 năm đến dưới 05 năm công tác, Sở Nội vụ đã tiếp thu và điều chỉnh tăng lên 200.000 đồng/tháng.
32		Huyện ủy Xuân Lộc	Đề nghị tăng mức hỗ trợ đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý	
33	Khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết	UBND huyện Trảng Bom	xem xét lại nội dung: "Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng chế độ thu hút cấp xã hoặc chế độ hỗ trợ thu hút, đào tạo bồi dưỡng phải hoàn trả lại kinh phí thu hút, hỗ trợ trước khi thôi việc theo nguyện vọng".	Thống nhất bỏ nội dung phải hoàn trả lại kinh phí thu hút cấp xã hoặc chế độ hỗ trợ thu hút, đào tạo bồi dưỡng.
34		Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đã được hỗ trợ theo chính sách này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố), các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh và được đơn vị đồng ý tiếp nhận thì nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo chính sách này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh	Thống nhất với ý kiến đề xuất và hoàn chỉnh dự thảo

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
35	Điều 4 dự thảo Nghị quyết	Sở Tài chính	- Cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi hoạt động thường xuyên và đơn vị bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên): do ngân sách nhà nước chi trả từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. - Cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị tự chủ tài chính (đơn vị tự bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị	Thông nhất với ý kiến đề xuất và hoàn chỉnh dự thảo
36		Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	- Đối với các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên): nguồn ngân sách địa phương chi trả. - Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: do đơn vị tự chi trả.	Theo ý kiến của Sở Tài chính
37		- Sở Y tế; - Huyện ủy Trảng Bom	Nguồn kinh phí chi trả đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Hiện nay, khi đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự chủ cả trong hoạt động tuyển dụng, giải quyết chế độ, chính sách, chi trả lương cho viên chức và người lao động thuộc đơn vị. Do đó, việc hỗ trợ kinh phí thực hiện Nghị quyết là không cần thiết. Đồng thời, mục tiêu chính của việc thực hiện Nghị quyết này là nhằm giải quyết chế độ, chính sách cho đối tượng thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW (giảm biên chế) nên đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (không giao biên chế) không là đối tượng cần khuyến khích tự nguyện thôi việc.

Thứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
38	Đánh giá tác động	Sở Tài chính	Bổ sung biểu đồ tuổi công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện nay.	Tiếp thu ý kiến đề xuất và đã hoàn chỉnh tại Đánh giá tác động
39	Đánh giá tác động	- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Giải trình số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Đề án tỉnh giảm biên chế	Đã giải trình cụ thể tại Tờ Trình số 2203/TTr-UBND ngày 09/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, theo Đề án tỉnh giảm biên chế từ nay đến năm 2021 được thực hiện bằng cách cắt giảm biên chế hằng năm (cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu hằng năm). Riêng đối với Nghị quyết quy định hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo diện sắp xếp, tổ chức lại và theo nguyện vọng được thực hiện nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị sắp xếp, tổ chức lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.
40	Cách thức thực hiện Nghị quyết	Sở Tài chính	cách thức xử lý đối với trường hợp cán bộ, công chức, viên chức hưởng chế độ sau đó chuyển cơ quan nhà nước ngoài tỉnh công tác	Định kỳ hàng quý, Sở Nội vụ sẽ đăng tải danh sách cán bộ, công chức, viên chức đã được giải quyết chế độ lên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ để các tổ chức, đơn vị, địa phương được biết. Ngoài ra việc thực hiện chính sách này là nhằm hỗ trợ, khuyến khích cho các đối tượng nghỉ việc có phần kinh phí để ổn định cuộc sống, tìm việc...Đồng thời nhằm mục đích loại ra khỏi bộ máy những người không tâm huyết hoặc không có năng lực, nếu người được hỗ trợ tiếp tục công tác trong bộ máy nhà nước của tỉnh thì thu lại phần kinh phí hỗ trợ, trường hợp người được hỗ trợ thi tuyển vào bộ máy nhà nước tỉnh khác thì cũng nên khuyến khích tạo điều kiện cho họ được tiếp tục cống hiến.
41		Sở Tài chính	bổ sung trình tự thực hiện đề án trong đó quy định cụ thể thời gian các đơn vị tổng hợp danh sách và dự toán kinh phí các đối tượng thôi việc theo nguyện vọng định kỳ 02 lần/năm (06 tháng/lần)	Tiếp thu ý kiến đề xuất. Sở Nội vụ sẽ phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn quy trình thực hiện sau khi Nghị quyết được thông qua theo hướng giải quyết theo từng quý.

Hứ tự	Điều khoản góp ý	Cơ quan, đơn vị	Nội dung góp ý	Tiếp thu, giải trình
1	2	3	4	5
42	Nội dung khác	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Xác định lại việc tuyển dụng công chức, viên chức tương ứng với Đề án vị trí việc làm tỉnh.	Hiện nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi tuyển dụng, bố trí công tác đối với công chức, viên chức đều trên cơ sở Đề án vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các trường hợp có trình độ chuyên môn không phù hợp vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị phải xem xét bố trí công việc khác hoặc tinh giản biên chế theo quy định. Riêng việc tăng chế độ thu hút để tuyển dụng người tài, tỉnh đã triển khai Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ và tiếp tục tuyển dụng đặc biệt không qua thi tuyển theo Thông tư số 13/2010/TT-BNV, đảm bảo quyền lợi, chính sách đối với cán bộ, công chức trẻ có trình độ, chuyên môn cao vào phục vụ bộ máy nhà nước.